Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Văn phòng Quốc hội

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**301.345**	**301.345**	**233.663**			**9.457**	**9.457**			**233.663**	
	Văn phòng Quốc hội			**301.345**	**301.345**	**233.663**			**9.457**	**9.457**			**233.663**	
I	**Phát thanh, truyền hình, thông tấn**			**262.637**	**262.637**	**204.412**			**9.457**				**194.955**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**262.637**	**262.637**	**204.412**			**9.457**				**194.955**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**262.637**	**262.637**	**204.412**			**9.457**				**194.955**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***262.637***	***262.637***	***204.412***			***9.457***				***194.955***	
(1)	Dự án nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình quốc hội	24759	1224/QĐ-VPQH ngày 21/9/2021	262.637	262.637	204.412			9.457				194.955	
II	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**38.708**	**38.708**	**29.251**				**9.457**			**38.708**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**38.708**	**38.708**	**29.251**				**9.457**			**38.708**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**38.708**	**38.708**	**29.251**				**9.457**			**38.708**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***38.708***	***38.708***	***29.251***				***9.457***			***38.708***	
(1)	Dự án trụ sở Văn phòng Quốc hội tại TP Đà Nẵng	28822	Quyết định 362/QĐ-VPQH ngày 01/6/2022	38.708	38.708	29.251				9.457			38.708	

Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**500.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**500.000**
1	Vốn trong nước	500.000

Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**500.000**	**500.000**	
	Các hoạt động kinh tế	500.000	500.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*500.000*	*500.000*	

Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**500.000**	**500.000**		**500.000**			
	Tòa án nhân dân tối cao			**500.000**	**500.000**		**500.000**			
I	**Công nghệ thông tin**			**500.000**	**500.000**		**500.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**500.000**	**500.000**		**500.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**500.000**	**500.000**		**500.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***500.000***	***500.000***		***500.000***			
(1)	Trang bị cơ sở vật chất tổ chức triển khai phiên toà trực tuyến	38200	497A-28/11/22	500.000	500.000		500.000			

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnhtăng				
	Tổng số			**1.016.085**	**1.016.085**	**606.976**			**140.000**	**140.000**			**606.976**	
	Tòa án nhân dân tối cao			**1.016.085**	**1.016.085**	**606.976**			**140.000**	**140.000**			**606.976**	
I	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**1.016.085**	**1.016.085**	**606.976**			**140.000**	**140.000**			**606.976**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**1.016.085**	**1.016.085**	**606.976**			**140.000**	**140.000**			**606.976**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**347.482**	**347.482**					**140.000**			**140.000**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***347.482***	***347.482***					***140.000***			***140.000***	
(1)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Tuyên Quang	38207	327-24/8/22	130.000	130.000					50.000			50.000	
(2)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Quảng Nam	38208	217-11/8/22	132.000	132.000					50.000			50.000	
(3)	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Thanh Miện (tỉnh Hải Dương)	38209	4380a-20/10/20	42.467	42.467					20.000			20.000	
(4)	Xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Giao Thủy (tỉnh Nam Định)	38210	115-06/5/20	43.015	43.015					20.000			20.000	
b	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**668.603**	**668.603**	**606.976**			**140.000**				**466.976**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***668.603***	***668.603***	***606.976***			***140.000***				***466.976***	
(1)	Trùng tu Tòa án nhân dân tối cao tại 48 Lý Thường Kiệt (GĐ2)	12566	228-17/10/17 131-03/7/19 81-12/3/20 452-28/12/20 44-16/3/21	668.603	668.603	606.976			140.000				466.976	

Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**123.543**	**119.938**	**6.000**			**5.027**	**5.027**			**6.000**	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao			**123.543**	**119.938**	**6.000**			**5.027**	**5.027**			**6.000**	
I	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**123.543**	**119.938**	**6.000**			**5.027**	**5.027**			**6.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**123.543**	**119.938**	**6.000**			**5.027**	**5.027**			**6.000**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**103.543**	**99.938**					**5.027**			**5.027**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020***			***103.543***	***99.938***					***5.027***			***5.027***	
(1)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	38217	148;31/10/2017	18.864	18.864					209			209	
(2)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND thành phố Cần Thơ	38218	139;25/3/2016	64.580	64.580					3.096			3.096	
(3)	Dự án xây dựng trụ sở VKSND thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	38219	155;31/10/2017	20.099	16.494					1.722			1.722	
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**20.000**	**20.000**	**6.000**			**5.027**				**973**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***20.000***	***20.000***	***6.000***			***5.027***				***973***	
(1)	VKSND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	30985	96,26/7/2021	20.000	20.000	6.000			5.027				973	

Bộ Quốc phòng

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**306.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**306.000**

Bộ Quốc phòng

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**306.000**	**306.000**	**306.000**	
	Bộ Quốc phòng			**306.000**	**306.000**	**306.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**306.000**	**306.000**	**306.000**	
(1)	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, hiện đại hóa hệ thống y tế tại các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng	38227	Số 675/QĐ-BQP	306.000	306.000	306.000	

Bộ Công an

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**300.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**300.000**

Bộ Công an

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW đã bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Giao Kế hoạch vốn NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Tổng số			**917.000**	**917.000**	**170.000**	**300.000**	
	Bộ Công an			**917.000**	**917.000**	**170.000**	**300.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**917.000**	**917.000**	**170.000**	**300.000**	
(1)	Dự án đầu tư Trung tâm khám, điều trị kỹ thuật chất lượng cao Bệnh viện 19/8	38098	8636 25/10/2021, 1327 24/02/2022	640.000	640.000	120.000	250.000	
(2)	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện 30/4 Bộ Công an	38099	8635 25/10/2021, 3088 06/5/2022	277.000	277.000	50.000	50.000	

Bộ Tư pháp

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**99.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**99.000**
1	Vốn trong nước	99.000

Bộ Tư pháp

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**99.000**	**99.000**	
	Các hoạt động kinh tế	99.000	99.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*99.000*	*99.000*	

Bộ Tư pháp

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**99.000**	**99.000**		**99.000**			
	Bộ Tư pháp			**99.000**	**99.000**		**99.000**			
I	**Công nghệ thông tin**			**99.000**	**99.000**		**99.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**99.000**	**99.000**		**99.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**99.000**	**99.000**		**99.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***99.000***	***99.000***		***99.000***			
(1)	Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý	38195	215/QĐ-BTP ngày 23/02/2023	99.000	99.000		99.000			

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục I

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**1.562.516**	**1.562.516**	**20.200**	**1.228.328**			
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			**1.562.516**	**1.562.516**	**20.200**	**1.228.328**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**52.496**	**52.496**	**700**	**51.795**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**52.496**	**52.496**	**700**	**51.795**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**52.496**	**52.496**	**700**	**51.795**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***52.496***	***52.496***	***700***	***51.795***			
(1)	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các Trường Cao đẳng Thống kê	37040	1753/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	52.496	52.496	700	51.795			
II	**Công nghệ thông tin**			**91.382**	**91.382**	**700**	**53.933**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**91.382**	**91.382**	**700**	**53.933**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**91.382**	**91.382**	**700**	**53.933**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***91.382***	***91.382***	***700***	***53.933***			
(1)	Xây dựng Kho dữ liệu thống kê đặc tả và dữ liệu vi mô	37078	1482/QĐ-BKHĐT ngày 30/8/2022	91.382	91.382	700	53.933			
III	**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**			**680.500**	**680.500**	**4.000**	**476.500**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**680.500**	**680.500**	**4.000**	**476.500**			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**680.500**	**680.500**	**4.000**	**476.500**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***680.500***	***680.500***	***4.000***	***476.500***			
(1)	Đầu tư xây dựng khu cơ sở kỹ thuật và ươm tạo hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực phía Bắc	36684	1717/QĐ-BKHĐT ngày 28/10/2022	680.500	680.500	4.000	476.500			
IV	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**738.139**	**738.139**	**14.800**	**646.100**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**738.139**	**738.139**	**14.800**	**646.100**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**738.139**	**738.139**	**14.800**	**646.100**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***738.139***	***738.139***	***14.800***	***646.100***			
(1)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Hà Nội	37041	1752/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	86.004	86.004	900	85.103			
(2)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Miền núi phía Bắc giai đoạn 2022-2025	37042	1740/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	96.952	96.952	2.200	94.752			
(3)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ giai đoạn 2022-2025	37043	1741/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	96.485	96.485	2.300	94.185			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(4)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2022-2025	37044	1743/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	47.595	47.595	1.300	46.295			
(5)	Xây dựng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Nam Trung Bộ giai đoạn 2022-2025	37045	1745/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	83.725	83.725	1.500	82.225			
(6)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giai đoạn 2022-2024	37046	1746/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	43.284	43.284	1.100	42.183			
(7)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2022-2025	37047	1747/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	106.169	106.169	2.400	103.769			
(8)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Miền núi phía Bắc giai đoạn 2025-2027	37048	1748/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	45.366	45.366	700	18.300			
(9)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ giai đoạn 2025-2027	37049	1749/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	34.563	34.563	600	20.488			
(10)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ giai đoạn 2025-2027	37050	1750/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	39.027	39.027	800	21.500			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(11)	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giai đoạn 2024-2027	37051	1751/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022	58.968	58.968	1.000	37.300			

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục I.A

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**1.282.214**	**1.282.214**	**444.786**			**33.969**	**33.969**			**444.786**	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			**1.282.214**	**1.282.214**	**444.786**			**33.969**	**33.969**			**444.786**	
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**987.214**	**987.214**	**285.873**				**12.969**			**298.842**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**987.214**	**987.214**	**285.873**				**12.969**			**298.842**	
(1)	Đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển	4835	136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016; 1925/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020	987.214	987.214	285.873				12.969			298.842	
II	**Công nghệ thông tin**			**220.000**	**220.000**	**83.913**				**21.000**			**104.913**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**220.000**	**220.000**	**83.913**				**21.000**			**104.913**	
(1)	Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	25929	874/QĐ-BKHĐT ngày 08/6/2020	220.000	220.000	83.913				21.000			104.913	
III	**Quy hoạch**			**75.000**	**75.000**	**75.000**			**33.969**				**41.031**	
(1)	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	32255		75.000	75.000	75.000			33.969				41.031	

Bộ Tài chính

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**407.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**407.000**
1	Vốn trong nước	407.000

Bộ Tài chính

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**407.000**	**407.000**	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	407.000	407.000	

Bộ Tài chính

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**407.000**	**407.000**		**407.000**			
	Bộ Tài chính			**407.000**	**407.000**		**407.000**			
I	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**			**407.000**	**407.000**		**407.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**407.000**	**407.000**		**407.000**			
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**			**407.000**	**407.000**		**407.000**			
(1)	Dự án Trụ sở cơ quan Hải quan Cảng Hàng không quốc tế Long Thành	38201	2388/QĐ-BTC ngày 17/11/2022	407.000	407.000		407.000			

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**60.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**60.000**
1	Vốn nước ngoài	60.000

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**60.000**		**60.000**
	Các hoạt động kinh tế	60.000		60.000
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*	*60.000*		*60.000*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**5.873.000**	**5.873.000**		**2.589.500**			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			**5.873.000**	**5.873.000**		**2.589.500**			
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**			**5.873.000**	**5.873.000**		**2.589.500**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**5.873.000**	**5.873.000**		**2.589.500**			
(1)	Hồ chứa nước IaThul	36379	1400, 10/11/2022	4.024.000	4.024.000		1.721.500			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**1.849.000**	**1.849.000**		**868.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***1.849.000***	***1.849.000***		***868.000***			
(1)	Hồ Bản Mồng GĐ2	36370	84/QĐ-TTg 14/02/2023	1.849.000	1.849.000		868.000			

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**651.000**	**651.000**	**200.000**			**50.000**				**150.000**	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			**651.000**	**651.000**	**200.000**			**50.000**				**150.000**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**			**651.000**	**651.000**	**200.000**			**50.000**				**150.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**651.000**	**651.000**	**200.000**			**50.000**				**150.000**	
(1)	Nâng cấp cải tạo kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên	37153	3212 20/7/2021	651.000	651.000	200.000			50.000				150.000	

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.D

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trunglhạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**439.337**	**69.369**	**69.369**			**369.968**	**369.968**					**60.000**			**60.000**	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				**439.337**	**69.369**	**69.369**			**369.968**	**369.968**					**60.000**			**60.000**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**439.337**	**69.369**	**69.369**			**369.968**	**369.968**					**60.000**			**60.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**439.337**	**69.369**	**69.369**			**369.968**	**369.968**					**60.000**			**60.000**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**439.337**	**69.369**	**69.369**			**369.968**	**369.968**					**60.000**			**60.000**	
(1)	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	38002	ADB	792/QĐ-TTg 04/7/2022	439.337	69.369	69.369		16 triệu USD	369.968	369.968					60.000			60.000	

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục I.Đ

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW										
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW										
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng									
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:																	
													Đưa vào	Vay lại																
	Tổng số						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
a	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***1.293.291***	***226.599***	***211.242***	***15.357***		***1.066.692***	***960.023***	***106.669***	***1.009.736***	***77.786***		***931.950***		***50.000***							***1.059.736***	***127.786***	***931.950***	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						**1.293.291**	**226.599**	**211.242**	**15.357**		**1.066.692**	**960.023**	**106.669**	**1.009.736**	**77.786**		**931.950**		**50.000**							**1.059.736**	**127.786**	**931.950**	
(I)	Dự án thành phần: Tăng cường năng lực khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	2483	WB			240/QĐ-TTg 22/2/2022; 4861, 15/12/2022	1.293.291	226.599	211.242	15.357	48,455 trUSD	1.066.692	960.023	106.669	1.009.736	77.786		931.950		50.000							1.059.736	127.786	931.950	

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng cho các địa phương	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**24.594.300**	**500.000**
1	Vốn trong nước	24.594.300	500.000

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.A

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh tăng tương ứng cho các địa phương	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
			Tổng số	Trong đó	
				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**24.594.300**	**500.000**	**500.000**	
4	Các hoạt động kinh tế	24.594.300	500.000	500.000	
-	*Giao thông*	24.594.300	500.000	500.000	

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**51.719.361**	**39.760.745**	**45.000**	**10.315.042**			
	Bộ Giao thông vận tải			**51.719.361**	**39.760.745**	**45.000**	**10.315.042**			
I	**Giao thông**			**51.719.361**	**39.760.745**	**45.000**	**10.315.042**			
	Dự án quan trọng quốc gia			**39.772.000**	**35.237.000**		**6.038.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**39.772.000**	**35.237.000**		**6.038.000**			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***39.772.000***	***35.237.000***		***6.038.000***			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	38122	58/2022/QH15 16/6/2022	21.935.000	20.670.000		3.625.000			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	38128	59/2022/QH15 16/6/2022	17.837.000	14.567.000		2.413.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**11.947.361**	**4.523.745**	**45.000**	**4.277.042**			
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**						**6.042**			
(1)	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn La Sơn - Hòa Liên	38243					1.173			
(2)	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 đoạn thành phố Cà Mau đến Năm Căn, tỉnh Cà Mau	38244					1.856			
(3)	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn đến Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	38245					1.313			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(4)	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 đoạn từ thành phố Bạc Liêu - Cà Mau	38246					1.700			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**11.947.361**	**4.523.745**	**45.000**	**4.271.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***11.947.361***	***4.523.745***	***45.000***	***4.271.000***			
(1)	Dự án Cải tạo, mở rộng QL46 đoạn TP.Vinh - TT.Nam Đàn	38161	1569/QĐ-BGTVT 30/11/2022	500.000	500.000		500.000			
(2)	Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa	33868	1032/QĐ-BGTVT 28/7/2022	2.293.000	2.293.000	20.000	2.158.000			
(3)	Cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1)	33874	1045/QĐ-TTg 06/9/2022	8.365.651	1.300.000	20.000	1.280.000			
(4)	Cải tạo, nâng cấp QL14B đoạn qua thành phố Đà Nẵng	33953	796/QĐ-BGTVT 24/6/2022	788.710	430.745	5.000	333.000			

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**47.688.582**	**47.688.582**	**2.126.550**			**140.348**	**179.597**			**2.165.799**	
	Bộ Giao thông vận tải			**47.688.582**	**47.688.582**	**2.126.550**			**140.348**	**179.597**			**2.165.799**	
I	**Giao thông**			**47.254.768**	**47.254.768**	**1.861.308**			**140.348**	**11.025**			**1.731.985**	
	Dự án quan trọng quốc gia			**44.691.000**	**44.691.000**	**11.025**			**11.025**					
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**44.691.000**	**44.691.000**	**11.025**			**11.025**					
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***44.691.000***	***44.691.000***	***11.025***			***11.025***					
(1)	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	36856	60/2022/QH15 16/6/2022	44.691.000	44.691.000	11.025			11.025					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**2.563.768**	**2.563.768**	**1.850.283**			**129.323**	**11.025**			**1.731.985**	
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**									**11.025**			**11.025**	
(1)	Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Cố Tiết - Chợ Bến	38203								4625			4.625	
(2)	Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	38204								400			400	
(3)	Lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	38205								6000			6.000	
b	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**1.949.396**	**1.949.396**	**1.313.283**			**85.323**				**1.227.960**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***1.949.396***	***1.949.396***	***1.313.283***			***85.323***				***1.227.960***	
(1)	Dự án cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	22790	314/QĐ-BGTVT 22/2/2019; 1791/QĐ-BGTVT 30/9/2019	1.949.396	1.949.396	1.313.283			85.323				1.227.960	
(2)	Tuyến đường giao thông sau bến số 3 đến bến số 6 thuộc Khu bến cảng Lạch Huyện, cảng biển Hải Phòng	36866	1603/QĐ-BGTVT 30/8/2021	614.372	614.372	537.000			44.000				493.000	
II	**Công nghệ thông tin**			**239.814**	**239.814**	**115.242**				**124.572**			**239.814**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**239.814**	**239.814**	**115.242**				**124.572**			**239.814**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**239.814**	**239.814**	**115.242**				**124.572**			**239.814**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***239.814***	***239.814***	***115.242***				***124.572***			***239.814***	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
(1)	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải	36877	1960/QĐ-BGTVT 12/11/2021	22.658	22.658	10.000				12.658			22.658	
(2)	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phương tiện, người điều khiển phương tiện hàng không và kết cấu hạ tầng giao thông hàng khôn	36878	1958/QĐ-BGTVT 12/11/2021	27.456	27.456	11.000				16.456			27.456	
(3)	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý phương tiện, người điều khiển, vận tải, an toàn đường sắt	36879	2032/QĐ-BGTVT 30/11/2021	17.800	17.800	8.000				9.800			17.800	
(4)	Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2021-2025	37097	1962/QĐ-BGTVT 12/11/2021	128.000	128.000	68.242				59.758			128.000	
(5)	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tích hợp phục vụ chuyển đổi số Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nar	37099	1959/QĐ-BGTVT 12/11/2021	43.900	43.900	18.000				25.900			43.900	
III	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**194.000**	**194.000**	**150.000**				**44.000**			**194.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**194.000**	**194.000**	**150.000**				**44.000**			**194.000**	
(1)	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải	34295	240/QĐ-BGTVT 13/3/2023	194.000	194.000	150.000				44.000			194.000	

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.D

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt đưa vào cân đối NSTW)	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt										
							NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó									
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	Tổng số				**9.254.643**	**2.617.579**	**2.562.459**	**55.120**		**6.637.064**	**6.623.613**		**23.000**	**23.000**		**5.466.651**	**877.970**		**4.588.681**	
	Bộ Giao thông vận tải				**9.254.643**	**2.617.579**	**2.562.459**	**55.120**		**6.637.064**	**6.623.613**		**23.000**	**23.000**		**5.466.651**	**877.970**		**4.588.681**	
I	**Giao thông**				**9.254.643**	**2.617.579**	**2.562.459**	**55.120**		**6.637.064**	**6.623.613**		**23.000**	**23.000**		**5.466.651**	**877.970**		**4.588.681**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**9.254.643**	**2.617.579**	**2.562.459**	**55.120**		**6.637.064**	**6.623.613**		**23.000**	**23.000**		**5.466.651**	**877.970**		**4.588.681**	
a	**Dự án khởi công mới 2021-2025**				**9.254.643**	**2.617.579**	**2.562.459**	**55.120**		**6.637.064**	**6.623.613**		**23.000**	**23.000**		**5.466.651**	**877.970**		**4.588.681**	
(1)	Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 37B	37966	Hàn Quốc	22/QĐ-TTg 07/01/2022	582.516	115.540	60.420	55.120	20,1 triệu USD	466.976	466.976					521.946	54.970		466.976	
(2)	Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam	3951	WB	931/QĐ-TTg 04/8/2022	3.901.377	1.408.509	1.408.509		168,795 triệu USD	2.492.868	2.479.417		5.000	5.000		1.795.705	366.000		1.429.705	
(3)	Cao tốc Mỹ An – Cao Lãnh giai đoạn 1	3935	Hàn Quốc	2203/QĐ-TTg 27/12/2021	4.770.750	1.093.530	1.093.530		158,8 triệu USD	3.677.220	3.677.220		18.000	18.000		3.149.000	457.000		2.692.000	

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I.Đ

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW											
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt																	
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW												
													Đưa vào	Vay lại															
	Tổng số						**1.407.834**	**227.175**	**149.782**			**1.180.658**	**1.180.658**		**101.249**	**101.249**			**94.219**								**7.030**	**7.030**		
	Bộ Giao thông vận tải						**1.407.834**	**227.175**	**149.782**			**1.180.658**	**1.180.658**		**101.249**	**101.249**			**94.219**								**7.030**	**7.030**		
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						**1.407.834**	**227.175**	**149.782**			**1.180.658**	**1.180.658**		**101.249**	**101.249**			**94.219**								**7.030**	**7.030**		
a	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**249.731**	**39.249**	**39.249**			**210.482**	**210.482**		**39.249**	**39.249**			**39.249**											
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**249.731**	**39.249**	**39.249**			**210.482**	**210.482**		**39.249**	**39.249**			**39.249**											
-	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***						***249.731***	***39.249***	***39.249***			***210.482***	***210.482***		***39.249***	***39.249***			***39.249***											
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						**249.731**	**39.249**	**39.249**			**210.482**	**210.482**		**39.249**	**39.249**			**39.249**											
(1)	Dự án thành phần 8 thuộc Chương trình Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại VN - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải trung ương II	3961	JICA			2741/ QĐ-BGTVT 20/12/2018	249.731	39.249	39.249			210.482	210.482		39.249	39.249			39.249											
b	**Giao thông**						**1.158.103**	**187.926**	**110.533**			**970.176**	**970.176**		**62.000**	**62.000**			**54.970**								**7.030**	**7.030**		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**1.158.103**	**187.926**	**110.533**			**970.176**	**970.176**		**62.000**	**62.000**			**54.970**								**7.030**	**7.030**		
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***1.158.103***	***187.926***	***110.533***			***970.176***	***970.176***		***62.000***	***62.000***			***54.970***								***7.030***	***7.030***		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW																							
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:																	
													Đưa vào	Vay lại																
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020						**1.158.103**	**187.926**	**110.533**			**970.176**	**970.176**		**62.000**	**62.000**			**54.970**								**7.030**	**7.030**		
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thịnh Long	1959	Hàn Quốc	30/03/2016		688/QĐ-BGTVT 25/2/2015; 12432/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2019	1.158.103	187.926	110.533		46 triệu USD	970.176	970.176		62.000	62.000			54.970								7.030	7.030		

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**2.297.000**
1	**NGÀNH GIAO THÔNG**	**2.297.000**

Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**2.297.000**	**2.297.000**	**2.297.000**	
	Bộ Giao thông vận tải			**2.297.000**	**2.297.000**	**2.297.000**	
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**			**2.297.000**	**2.297.000**	**2.297.000**	
(1)	Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B	38228	141/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2023	2.297.000	2.297.000	2.297.000	

Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**150.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**150.000**
1	Vốn trong nước	150.000

Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**150.000**	**150.000**	
	Các hoạt động kinh tế	150.000	150.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*150.000*	*150.000*	

Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**150.000**	**150.000**		**150.000**			
	Bộ Khoa học và Công nghệ			**150.000**	**150.000**		**150.000**			
I	**Công nghệ thông tin**			**150.000**	**150.000**		**150.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**150.000**	**150.000**		**150.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**150.000**	**150.000**		**150.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***150.000***	***150.000***		***150.000***			
(1)	Nâng cấp, mở rộng Chính phủ điện tử tại Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025	38198	2362/QĐ-BKHCN ngày 29/11/2022	150.000	150.000		150.000			

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**1.097.972**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.097.972**
1	Vốn trong nước	1.097.972

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**1.097.972**	**1.097.972**	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.097.972	1.097.972	

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**1.131.972**	**1.097.972**		**1.097.972**			
	Bộ Giáo dục và Đào tạo			**1.131.972**	**1.097.972**		**1.097.972**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**1.131.972**	**1.097.972**		**1.097.972**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**1.131.972**	**1.097.972**		**1.097.972**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**1.131.972**	**1.097.972**		**1.097.972**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***1.131.972***	***1.097.972***		***1.097.972***			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cơ sở II - Trường Đại học Vinh	38192	4618/QĐ-BGDĐT (29/12/2022)	797.972	797.972		797.972			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung, Nam (giai đoạn 2)	38193	4619/QĐ-BGDĐT (29/12/2022)	334.000	300.000		300.000			

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Kế hoạch 2021 - 2025 bổ sung
Tổng số	**444.407**
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	**444.407**
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	444.407
Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc[(1)]	*444.407*

Ghi chú:

[(1)]: Đầu tư cơ sở vật chất cho các Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80.

Bộ Y tế

Phụ lục I

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**4.891.789**	**4.335.649**	**7.000**	**2.009.012**			
	Bộ Y tế			**4.891.789**	**4.335.649**	**7.000**	**2.009.012**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**416.000**	**400.000**		**400.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**416.000**	**400.000**		**400.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**416.000**	**400.000**		**400.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***416.000***	***400.000***		***400.000***			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Dược Thái Bình (giai đoạn 3)	32583	3136/QĐ-BYT ngày 21/11/2022	310.000	300.000		300.000			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở 2 Trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	32584	1783/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	106.000	100.000		100.000			
II	**Y tế, dân số và gia đình**			**4.475.789**	**3.935.649**	**7.000**	**1.609.012**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**4.475.789**	**3.935.649**	**7.000**	**1.609.012**			
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**1.727.418**	**1.638.649**		**87.012**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020***			***620.354***	***545.354***		***18.838***			
(1)	Dự án cải tạo nâng cấp Bệnh viện Phong và Da liễu Trung ương Quỳnh lập	38234	6608 31/10/2018	25.000	25.000		238			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(2)	Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp Bệnh viện Tâm thần TƯ 1	38235	3143 21/8/2014	145.354	145.354		1.470			
(3)	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa Đồng Hới	38236	4942 15/12/2009 3087 18/8/2014 1099 1/2/2018	450.000	375.000		17.130			
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***1.107.064***	***1.093.295***		***68.174***			
(1)	Dự án xây dựng, mở rộng Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	38237	6609 31/10/2018	45.000	40.000		14.677			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng Viện Sốt rét Ký sinh trùng côn trùng TP Hồ Chí Minh	38230	4878 31/10/2017 5257 6/11/2019	39.269	30.500		12.220			
(3)	Dự án đầu tư trang thiết bị và cải tạo mở rộng khoa ngoại lồng ngực để phát triển lĩnh vực tim mạch (giai đoạn 1) Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	38231	2730 29/6/2020	70.000	70.000		4.300			
(4)	Dự án xây dựng Trung tâm ung bướu Bệnh viện E	38232	4072 31/10/2011 4875 31/10/2017	568.000	568.000		6.457			
(5)	Dự án đầu tư xây dựng khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Bệnh viện E	38233	4612 31/10/2015	384.795	384.795		30.520			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**2.748.371**	**2.297.000**	**7.000**	**1.522.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***1.446.371***	***995.000***		***880.000***			
(1)	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ	38238	1210 3/3/2023	199.984	180.000		180.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(2)	Dự án xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Thái Thịnh	38242	1321 9/3/2023	517.755	150.000		50.000			
(3)	Dự án Xây dựng, mua sắm TTB cho Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ	32543	1166 3/3/2023	85.000	85.000		70.000			
(4)	Dự án xây dựng Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2	32567	1787/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	350.000	300.000		300.000			
(5)	Dự án đầu tư xây dựng khu điều trị khoa Sản, Nhi Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba Đồng Hới	36603	1782/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	193.632	180.000		180.000			
(6)	Dự án cải tạo, nâng cấp, trang thiết bị Viện Kiểm định Quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế giai đoạn II	36605	1785/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	100.000	100.000		100.000			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***1.302.000***	***1.302.000***	***7.000***	***642.000***			
(1)	Dự án xây dựng, nâng cấp và cải tạo Bệnh viện Phong- Da liễu Trung ương Quy Hòa hướng tới là Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Trung Bộ	36610	1784/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	755.000	755.000	5.000	250.000			
(2)	Dự án Trung tâm chăm sóc và điều trị chất lượng cao của Bệnh viện C Đà Nẵng	32563	1786/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	547.000	547.000	2.000	392.000			

Bộ Y tế

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	**1.465.000**
1	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**	**1.465.000**

Phụ lục II.A

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số			**1.611.659**	**1.465.000**	**1.465.000**	
	Bộ Y tế			**1.611.659**	**1.465.000**	**1.465.000**	
I	**ĐẦU TƯ HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ, Y TẾ DỰ PHÒNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, VIỆN VÀ BỆNH VIỆN CẤP TRUNG ƯƠNG**			**1.611.659**	**1.465.000**	**1.465.000**	
(1)	Dự án Đầu tư mua sắm TTB y tế Bệnh viện Hữu Nghị	38082	QĐ 3233/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	135.220	130.000	130.000	
(2)	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh Bệnh viện C Đà Nẵng	38083	QĐ 3424/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	120.000	120.000	120.000	
(3)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Thống Nhất	38084	QĐ 3218/QĐ-BYT ngày 02/12/2022	128.200	125.000	125.000	
(4)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Chợ Rẫy	38085	QĐ 3423/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	114.072	80.000	80.000	
(5)	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Bạch Mai	38086	QĐ 3232/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	242.600	200.000	200.000	
(6)	Dự án nâng cao năng lực phòng chống dịch Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	38087	QĐ 3422/QĐ-BYT ngày 20/12/2022	61.780	60.000	60.000	
(7)	Dự án xây dựng Trung tâm hồi sức tích cực chống độc và mua sắm thiết bị Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	38088	QĐ 3243/QĐ-BYT ngày 5/12/2022	154.656	130.000	130.000	
(8)	Dự án xây dựng mở rộng một số khoa điều trị Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	38089	QĐ 3234/QĐ-BYT ngày 5/12/2022	77.000	70.000	70.000	
(9)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện E giai đoạn 2022-2023	38090	QĐ 3235/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	138.066	130.000	130.000	
(10)	Dự án đầu tư xây dựng Khối điều trị Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam- Cuba Đồng Hới	38091	QĐ 3244/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	50.000	50.000	50.000	
(11)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam	38092	QĐ 3242/QĐ-BYT ngày 05/12/2022	31.165	30.000	30.000	
(12)	Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Phổi Trung ương	38093	QĐ 3488/QĐ-BYT ngày 29/12/2022	120.000	120.000	120.000	
(13)	Dự án cải tạo sửa chữa và mua sắm TTB Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	38094	QĐ 65/QĐ-BYT ngày 13/01/2023	60.000	60.000	60.000	
(14)	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm đánh giá động vật thí nghiệm Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế	38095	QĐ 3530/QĐ-BYT ngày 31/12/2022	128.900	110.000	110.000	
(15)	Dự án cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, phòng thí nghiệm và mua sắm trang thiết bị thử nghiệm, kiểm định, kiểm tra, kiểm soát chất lượng trang thiết bị y tế của Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	38096	QĐ 3481/QĐ-BYT ngày 28/12/2022	50.000	50.000	50.000	

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**1.200.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.200.000**
1	Vốn trong nước	1.200.000

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**1.200.000**	**1.200.000**	
	Văn hóa, thông tin	1.100.000	1.100.000	
	Các hoạt động kinh tế	100.000	100.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*100.000*	*100.000*	

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**1.800.000**	**1.800.000**	**205.000**	**1.200.000**			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			**1.800.000**	**1.800.000**	**205.000**	**1.200.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**1.700.000**	**1.700.000**	**205.000**	**1.100.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**1.700.000**	**1.700.000**	**205.000**	**1.100.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**1.700.000**	**1.700.000**	**205.000**	**1.100.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***500.000***	***500.000***	***200.000***	***300.000***			
(1)	Tu bổ, cải tạo Nhà hát lớn Hà Nội	38181	1688/QĐ-BVHTTDL, 26/05/2021; 3599/QĐ-BVHTTDL, 22/12/2022	500.000	500.000	200.000	300.000			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***1.200.000***	***1.200.000***	***5.000***	***800.000***			
(1)	Nhà hát Kịch Việt Nam cơ sở 2	38182	1696/QĐ-BVHTTDL, 26/5/2021; 199/QĐ-BVHTTDL, 08/02/2023	700.000	700.000	5.000	300.000			
(2)	Cải tạo và nâng cấp Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam	38184	3625/QĐ-BVHTTDL, 23/12/2022	500.000	500.000		500.000			
II	**Công nghệ thông tin**			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**100.000**	**100.000**		**100.000**			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**100.000**	**100.000**		**100.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***100.000***	***100.000***		***100.000***			
(1)	Trung tâm điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	38199	3551/QĐ-BVHTTDL, 21/12/2022	100.000	100.000		100.000			

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**300.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**300.000**
1	Vốn trong nước	300.000

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**300.000**	**300.000**	
	Các hoạt động kinh tế	300.000	300.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*300.000*	*300.000*	

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**300.000**	**300.000**		**300.000**			
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			**300.000**	**300.000**		**300.000**			
I	**Công nghệ thông tin**			**300.000**	**300.000**		**300.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**300.000**	**300.000**		**300.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**300.000**	**300.000**		**300.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***300.000***	***300.000***		***300.000***			
(1)	Xây dựng hạ tầng số và Trung tâm điều hành Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	38194	1186/QĐ-LĐTBXH ngày 08/12/2022	300.000	300.000		300.000			

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
	Tổng số			**2.223.517**	**2.223.517**	**1.270.071**			**362.417**	**451.834**			**1.359.488**	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường			**2.223.517**	**2.223.517**	**1.270.071**			**362.417**	**451.834**			**1.359.488**	
I	**Khoa học, công nghệ**			**256.517**	**256.517**	**100.000**			**48.000**				**52.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**256.517**	**256.517**	**100.000**			**48.000**				**52.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**256.517**	**256.517**	**100.000**			**48.000**				**52.000**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***256.517***	***256.517***	***100.000***			***48.000***				***52.000***	
(1)	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Liên cơ quan các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường	13922	2150/QĐ-BTNMT ngày 22/8/2019	256.517	256.517	100.000			48.000				52.000	
II	**Tài nguyên**			**370.000**	**370.000**	**367.072**			**312.617**				**54.455**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**370.000**	**370.000**	**367.072**			**312.617**				**54.455**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**370.000**	**370.000**	**367.072**			**312.617**				**54.455**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***370.000***	***370.000***	***367.072***			***312.617***				***54.455***	
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ điều tra cơ bản cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	31868	1488/QĐ-BTNMT ngày 06/7/2020	370.000	370.000	367.072			312.617				54.455	
III	**Khu tàng**			**135.000**	**135.000**	**1.800**			**1.800**					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**135.000**	**135.000**	**1.800**			**1.800**					
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**			**135.000**	**135.000**	**1.800**			**1.800**					
(1)	Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, trang thiết bị bảo quản, lưu trữ tư liệu KTTV và trang thiết bị công nghệ thông tin cho trung tâm dữ liệu Datacenter (DC) Hà Nội	31948	993/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2021	135.000	135.000	1.800			1.800					
IV	**Công nghệ thông tin**			**789.000**	**789.000**	**225.000**				**422.938**			**647.938**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**789.000**	**789.000**	**225.000**				**422.938**			**647.938**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**789.000**	**789.000**	**225.000**				**422.938**			**647.938**	
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***789.000***	***789.000***	***225.000***				***422.938***			***647.938***	
(1)	Dự án Xây dựng hoàn thiện CSDL TNMT kết nối liên thông với các CSDL/HTTT	31951	3067/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2022	789.000	789.000	225.000				422.938			647.938	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
V	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**673.000**	**673.000**	**576.199**				**28.896**			**605.095**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**673.000**	**673.000**	**576.199**				**28.896**			**605.095**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**673.000**	**673.000**	**576.199**				**28.896**			**605.095**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***673.000***	***673.000***	***576.199***				***28.896***			***605.095***	
(1)	Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	13924	948/QĐ-BTNMT 16/4/2020	673.000	673.000	576.199				28.896			605.095	

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục I.A

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)		Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng									
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó:																
													Đưa vào	Vay lại															
	Tổng số						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
a	**Môi trường**						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
-	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***						***289.301***	***82.469***	***82.469***			***206.832***	***206.832***		***943.788***	***129.088***		***814.700***	***89.417***								***854.371***	***39.671***	***814.700***	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						**289.301**	**82.469**	**82.469**			**206.832**	**206.832**		**943.788**	**129.088**		**814.700**	**89.417**								**854.371**	**39.671**	**814.700**	
(1)	Tiểu Dự án 2: "Nâng cấp xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu"	1869	WB			129/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2021; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	204.336	25.255	25.255			179.081	179.081		140.351	19.517		120.834	11.631								128.720	7.886	120.834	
(2)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) (Phần do Tổng cục Quản lý đất đai thực hiện từ nguồn NSTW)	1874	WB			2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021	84.965	57.214	57.214			27.751	27.751		803.437	109.571		693.866	77.786								725.651	31.785	693.866	

Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**30.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**30.000**
1	Vốn trong nước	30.000

Ủy ban Dân tộc

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**30.000**	**30.000**	
	Các hoạt động kinh tế	30.000	30.000	
-	*Công nghệ thông tin*	*30.000*	*30.000*	

Ủy ban dân tộc

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**60.000**	**60.000**	**30.000**	**30.000**			
	Ủy ban dân tộc			**60.000**	**60.000**	**30.000**	**30.000**			
I	**Công nghệ thông tin**			**60.000**	**60.000**	**30.000**	**30.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**60.000**	**60.000**	**30.000**	**30.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**60.000**	**60.000**	**30.000**	**30.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***60.000***	***60.000***	***30.000***	***30.000***			
(1)	Xây dựng Kho dữ liệu và Hệ thống khai thác thông tin thống kê công tác dân tộc và dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số	35168	Quyết định số 888/QĐ-UBDT ngày 29/11/2022	60.000	60.000	30.000	30.000			

Đài Tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**200.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**200.000**
1	Vốn trong nước	200.000

Đài Tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**200.000**	**200.000**	
	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	200.000	200.000	

Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**500.000**	**500.000**	**300.000**	**200.000**			
	Đài tiếng nói Việt Nam			**500.000**	**500.000**	**300.000**	**200.000**			
I	**Phát thanh, truyền hình, thông tấn**			**500.000**	**500.000**	**300.000**	**200.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**500.000**	**500.000**	**300.000**	**200.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**500.000**	**500.000**	**300.000**	**200.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***500.000***	***500.000***	***300.000***	***200.000***			
(1)	Đầu tư xây dựng hệ thống phát sóng AM/DRM phủ sóng khu vực biển đảo Trung Bộ và quần đảo Hoàng Sa, hệ thống phát sóng FM phủ sóng khu vực biên giới Đông Bắc và Tây Nam	36837	2990/QĐ-TNVN ngày 23/11/2022	500.000	500.000	300.000	200.000			



Đài tiếng nói Việt Nam

Phụ lục I.C

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRONG TỔNG MỨC VỐN CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnhtăng				
	Tổng số			**231.000**	**231.000**	**115.320**			**22.000**	**22.000**			**115.320**	
	Đài tiếng nói Việt Nam			**231.000**	**231.000**	**115.320**			**22.000**	**22.000**			**115.320**	
I	**Phát thanh, truyền hình, thông tấn**			**150.000**	**150.000**	**101.160**			**22.000**				**79.160**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**150.000**	**150.000**	**101.160**			**22.000**				**79.160**	
a	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**			**150.000**	**150.000**	**101.160**			**22.000**				**79.160**	
(1)	Xây dựng hệ thống quản trị, sản xuất, cung cấp, lưu trữ chương trình đa phương tiện của Đài TNVN	33997	1286/QĐ-TNVN, 29/4/2021	150.000	150.000	101.160			22.000				79.160	
II	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).**			**81.000**	**81.000**	**14.160**				**22.000**			**36.160**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**81.000**	**81.000**	**14.160**				**22.000**			**36.160**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**81.000**	**81.000**	**14.160**				**22.000**			**36.160**	
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***81.000***	***81.000***	***14.160***				***22.000***			***36.160***	
(1)	Xây dựng Trụ sở CQTT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - Đài TNVN	990	2136, 28/8/2020	81.000	81.000	14.160				22.000			36.160	

Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**295.688**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**295.688**
1	Vốn trong nước	295.688

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**295.688**	**295.688**	
	Các hoạt động kinh tế	295.688	295.688	
-	*Công nghệ thông tin*	*295.688*	*295.688*	

Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**297.096**	**295.688**		**295.688**			
	Kiểm toán Nhà nước			**297.096**	**295.688**		**295.688**			
I	**Công nghệ thông tin**			**297.096**	**295.688**		**295.688**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**297.096**	**295.688**		**295.688**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**297.096**	**295.688**		**295.688**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***297.096***	***295.688***		***295.688***			
(1)	Xây dựng nền tảng dữ liệu lớn và hệ thống quản lý thông tin đối tượng kiểm toán	38196	1471/QĐ-KTNN, ngày 29/11/2022	297.096	295.688		295.688			

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**304.500**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**304.500**
1	Vốn trong nước	304.500

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**304.500**	**304.500**	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	28.500	28.500	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	276.000	276.000	

Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**399.200**	**399.200**	**85.700**	**304.500**			
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam			**399.200**	**399.200**	**85.700**	**304.500**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**123.200**	**123.200**	**85.700**	**28.500**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**123.200**	**123.200**	**85.700**	**28.500**			
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**			**123.200**	**123.200**	**85.700**	**28.500**			
-	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025***			***123.200***	***123.200***	***85.700***	***28.500***			
(1)	Trụ sở Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam-Giai đoạn 2	24872	Số 1717b/QĐ-MTTW-BTT ngày 14/11/2022	123.200	123.200	85.700	28.500			
II	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**			**276.000**	**276.000**		**276.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**276.000**	**276.000**		**276.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**276.000**	**276.000**		**276.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***276.000***	***276.000***		***276.000***			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(1)	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại 80-82 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội và tại 46 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	38160	Số 1718a/QĐ-MTTW-BTT ngày 15/11/2022	276.000	276.000		276.000			

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**1.000.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.000.000**
1	Vốn trong nước	1.000.000

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**1.000.000**	**1.000.000**	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.000.000	1.000.000	

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**1.000.000**	**1.000.000**		**1.000.000**			
	Đại học Quốc gia Hà Nội			**1.000.000**	**1.000.000**		**1.000.000**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**1.000.000**	**1.000.000**		**1.000.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**1.000.000**	**1.000.000**		**1.000.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**1.000.000**	**1.000.000**		**1.000.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***1.000.000***	***1.000.000***		***1.000.000***			
(1)	Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (QG-HN07) (đầu tư Zone 1, Zone 2, Zone 3)	38185	515/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/2/2023	470.000	470.000		470.000			
(2)	Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm thực hành kỹ thuật công nghệ theo định hướng công nghệ 4.0 của ĐHQGHN	38186	4234/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	210.000	210.000		210.000			
(3)	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT và trung tâm sáng tạo nghệ thuật theo định hướng chuyển đổi số tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	38187	4235/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	100.000	100.000		100.000			
(4)	Dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng công nghệ phục vụ công tác quản lý theo mô hình đô thị thông minh của ĐHQGHN tại Hòa Lạc	38188	4236/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	150.000	150.000		150.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
(5)	Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm thực hành đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực nhà hàng, khách sạn của ĐHQGHN	38189	4237/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/11/2022	70.000	70.000		70.000			

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**486.994**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**486.994**
1	Vốn trong nước	486.994

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**486.994**	**486.994**	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	486.994	486.994	

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**486.994**	**486.994**		**486.994**			
	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh			**486.994**	**486.994**		**486.994**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**486.994**	**486.994**		**486.994**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**486.994**	**486.994**		**486.994**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**486.994**	**486.994**		**486.994**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***486.994***	***486.994***		***486.994***			
(1)	Xây dựng một số công trình thiết yếu phục vụ cho giảng dạy, đào tạo và đầu tư một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật chung thiết yếu trong Khu đô thị ĐHQG-HCM	38190	1584; 29/11/2022	206.995	206.995		206.995			
(2)	Đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ cho nghiên cứu khoa học tại ĐHQG-HCM	38191	1585; 29/11/2022	279.999	279.999		279.999			

Ban Quản lý Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**200.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**200.000**
1	Vốn trong nước	200.000

Ban Quản lý Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	**200.000**	**200.000**	
	Văn hóa, thông tin	200.000	200.000	

Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam

Phụ lục I.B

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**200.000**	**200.000**		**200.000**			
	Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam			**200.000**	**200.000**		**200.000**			
I	**Văn hóa, thông tin**			**200.000**	**200.000**		**200.000**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**200.000**	**200.000**		**200.000**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**200.000**	**200.000**		**200.000**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***200.000***	***200.000***		***200.000***			
(1)	Khu nghi lễ thờ Tổ	38183	299/QĐ-LVHDL ngày 29/11/2022	200.000	200.000		200.000			

Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Phụ lục I

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	Tổng số			**671.016**	**671.016**	**2.100**	**410.897**			
	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc			**671.016**	**671.016**	**2.100**	**410.897**			
I	**Khoa học, công nghệ**			**671.016**	**671.016**	**2.100**	**410.897**			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			**671.016**	**671.016**	**2.100**	**410.897**			
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**			**671.016**	**671.016**	**2.100**	**410.897**			
-	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025***			***49.551***	***49.551***		***49.551***			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thu gom nước thải Khu CNC Hòa Lạc từ khu vực phía Nam đại lộ Thăng Long về nhà máy xử lý nước thải tại phía Bắc đại lộ Thăng Long	27554	2403/QĐ-CNCHL ngày 28/9/2021	49.551	49.551		49.551			
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***			***621.465***	***621.465***	***2.100***	***361.346***			
(1)	Dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	27553	2375/QĐ-BKHCN ngày 24/9/2021	621.465	621.465	2.100	361.346			